

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30- 03- 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Huy Cẩm và bà Vũ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nhâm Đình Mạnh - Là thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 299/2019/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐ- HPT ngày 11/03/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T- sinh năm 1989;

Nơi ĐKKHKT: Tổ 03, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ hiện nay: đường L, tổ 02, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai- Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Tuấn A- sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT: Xóm 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam

Địa chỉ hiện nay: đường L, tổ 02, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai- Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/12/2019 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Trần Tuấn A kết hôn vào ngày 13/3/2013 hôn nhân do hai người tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc được gần 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai người không hợp nhau, nên trong cuộc sống, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không có sự yêu thương, chia sẻ lẫn nhau, anh Tuấn A không quan tâm đến gia đình, vợ con dẫn đến hai người xảy ra đánh cãi, chửi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị T đã làm đơn ra tòa ly hôn, nhưng vì nghĩ đến con cái, anh Tuấn A hứa sửa chữa những khuyết điểm để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc, chị T đã rút đơn. Tuy nhiên sau khi rút đơn, cuộc sống vợ chồng chị vẫn không cải thiện được. Khi mâu thuẫn gia đình xảy ra hai bên gia đình đã can thiệp hòa giải nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ, chồng giữa chị và anh Tuấn A thực sự không còn hạnh phúc, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Tuấn A.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Trần Tuấn A có với nhau 01 người con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 26/11/2013, hiện nay cháu đang ở với chị T. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Minh H, sinh ngày 26/11/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Th không yêu cầu anh Trần Tuấn A phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2019 và biên bản hòa giải ngày 07/01/2020 bị đơn anh Trần Tuấn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tuấn A thừa nhận các lời khai của chị T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ, chồng xảy ra là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là do anh không quan tâm đến cuộc sống gia đình vợ, con. Hơn nữa, do công việc làm ăn khó khăn nên hàng tháng anh không đóng góp đầy đủ kinh tế cho gia đình, dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có hạnh phúc, anh và chị T đã sống ly thân với nhau. Nay, anh Trần Tuấn A xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn, anh đề nghị Tòa án xem xét cho anh và chị T được trở về đoàn tụ, để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về quan hệ con chung: Anh Trần Tuấn A thừa nhận trong thời gian chung sống anh và chị T có với nhau 01 người con chung như chị T trình bày là đúng. Nếu vợ, chồng phải ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét cho anh được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Minh H, sinh ngày 26/11/2013 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh yêu cầu chị T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ(Một triệu đồng)/ tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Bị đơn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, tham gia phiên toà, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ đảm bảo đúng pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Trần Tuấn A.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bị đơn. Giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 26/11/2013 cho chị Triệu Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Tuấn A tạm thời không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà nguyên đơn chị Triệu Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Tuấn A triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngày 05/12/2019 nguyên đơn chị Triệu Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giải quyết về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn với anh Trần Tuấn A; nơi đăng ký tạm trú: tổ 02, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định mối quan hệ

pháp luật, nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Trần Tuấn A kết hôn ngày 13/3/2013 hôn nhân do hai người tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống hạnh phúc được gần 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai người không hợp nhau, nên trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm về công việc cũng như cuộc sống vợ chồng, hai người sống không có sự yêu thương, chia sẻ lẫn nhau, anh Trần Tuấn A không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con, dẫn đến hai người xảy ra đánh cãi, chửi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt không có hạnh phúc. Chị T và anh Trần Tuấn A hiện nay đã ly thân không ai quan tâm đến ai cả về tình cảm và kinh tế.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị Triệu Thị T và anh Trần Tuấn A đã kéo dài, hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị T; không chấp nhận yêu cầu về đoàn tụ của anh Trần Tuấn A. Xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Trần Tuấn A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 – Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 người con chung là cháu Trần Minh H, sinh ngày 26/11/2013, hiện nay cháu đang ở cùng với chị T. Nguyên đơn có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu Trần Minh H, sinh ngày 26/11/2013 đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu bị đơn phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn cũng có nguyện vọng nuôi cháu Trần Minh H, sinh ngày 26/11/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu chị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ(Một triệu đồng)/ tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Xét về điều kiện nuôi con của nguyên đơn, bị đơn: Chị Triệu Thị T hiện nay làm nhân viên thư viện Trường THCS Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai mức thu nhập là 4.074.000đ (*Bốn triệu không trăm bảy mươi tư nghìn đồng*)/ tháng. Đối với anh Trần Tuấn A tại biên bản hòa giải ngày 07/01/2020 anh Tuấn A khai hiện nay anh làm đại lý sơn cho Công ty An Thành Phát tại thành phố Lào Cai, mức thu nhập là 7.000.000đ(*Bảy triệu đồng*)/ tháng. Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai đã ra thông báo yêu cầu anh Trần Tuấn A cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh điều kiện nuôi con nhưng anh Trần Tuấn A không cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Minh H hiện nay còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, bản thân anh Trần Tuấn A cũng thừa nhận trong cuộc sống anh không quan tâm đến cuộc sống gia đình vợ, con. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống cho cháu, cũng như quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của cha, mẹ sau khi ly hôn,

nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bị đơn. Giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 26/11/2013 cho nguyên đơn chị Triệu Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân & gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Trần Tuấn A . Quan hệ hôn nhân của chị Triệu Thị T và anh Trần Tuấn A chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

-Về con chung: Giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 26/11/2013 cho chị Triệu Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi. Anh Trần Tuấn A tạm thời không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Trần Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Buộc Triệu Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ(*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006505 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Lào Cai. Xác nhận chị Triệu Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn , bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND TP. Lào Cai (2);
- Chi cục THADS TP.Lào Cai (1);
- Các đương sự (2);
- UBND P.Nam Cường, TP Lào Cai
- Lưu Văn phòng (1),
- Lưu hồ sơ vụ án (1);

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hằng

